

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2020/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số 88/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X kỳ họp thứ 6 về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết 02/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng

khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X kỳ họp thứ 14 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2663/TTr-SXD ngày 19 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số 88/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận:

“a) Loại bỏ diện tích quy hoạch cát xây dựng tại điểm quy hoạch số 90 (khu vực suối La La, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam) với diện tích 20,4ha; Điều chỉnh giảm diện tích quy hoạch vật liệu san lấp tại điểm quy hoạch số 92 với diện tích 16,471ha tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

Thông số về diện tích, trữ lượng của các loại vật liệu sau khi điều chỉnh quy hoạch được thể hiện như sau:

- *Đá xây dựng*: tổng diện tích 961,5ha; tổng trữ lượng dự báo 455.901.134m³. Trong đó:

+ Huyện Bác Ái: tổng diện tích 71,0ha; trữ lượng dự báo 47.302.000m³;

+ Huyện Ninh Sơn: tổng diện tích 164,5ha; trữ lượng dự báo 68.110.000m³;

+ Huyện Thuận Bắc: tổng diện tích 382,8ha; trữ lượng dự báo 191.002.000m³;

+ Huyện Ninh Hải: tổng diện tích 17,00ha; trữ lượng dự báo 5.171.000m³;

+ Huyện Thuận Nam: tổng diện tích 326,2ha; trữ lượng dự báo 144.316.134m³.

- *Sét gạch ngói*: tổng diện tích 724,1ha; tổng trữ lượng dự báo 13.092.830m³. Trong đó:

- + Huyện Bác Ái: tổng diện tích 203,2ha; trữ lượng dự báo 2.994.000m³;
- + Huyện Ninh Sơn: tổng diện tích 56,6ha; trữ lượng dự báo 856.504m³;
- + Huyện Thuận Bắc: tổng diện tích 29,0ha; trữ lượng dự báo 319.326m³;
- + Huyện Ninh Phước: tổng diện tích 348,0ha; trữ lượng dự báo 7.177.000m³;
- + Huyện Thuận Nam: tổng diện tích 87,3ha; trữ lượng dự báo 1.746.000m³.
- Cát xây dựng: tổng diện tích 1.003,7ha; tổng trữ lượng dự báo 12.311.483m³. Trong đó:
 - + Huyện Bác Ái: tổng diện tích 24,0ha; trữ lượng dự báo 250.000m³;
 - + Huyện Ninh Sơn: tổng diện tích 435,7ha; trữ lượng dự báo 4.662.383m³;
 - + Huyện Thuận Bắc: tổng diện tích 73,0ha; trữ lượng dự báo 738.000m³;
 - + Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: tổng diện tích 262,1ha; trữ lượng dự báo 4.451.845m³;
 - + Huyện Ninh Phước: tổng diện tích 10,7ha; trữ lượng dự báo 126.000m³;
 - + Huyện Thuận Nam: tổng diện tích 198,20ha; trữ lượng dự báo 2.084.100m³.
- Đá chẻ xây dựng: tổng diện tích 713,4ha; tổng trữ lượng dự báo 22.404.627m³. Trong đó:
 - + Huyện Bác Ái: tổng diện tích 43,0ha; trữ lượng dự báo 1.290.00m³;
 - + Huyện Ninh Sơn: tổng diện tích 82,0 ha; trữ lượng dự báo 2.220.532m³;
 - + Huyện Thuận Bắc: tổng diện tích 185,4ha; trữ lượng dự báo 7.145.000m³;
 - + Huyện Ninh Hải: tổng diện tích 100,0 ha; trữ lượng dự báo 2.965.455m³;
 - + Huyện Ninh Phước: tổng diện tích 255,3ha; trữ lượng dự báo 7.373.000m³;
 - + Huyện Thuận Nam: tổng diện tích 47,7ha; trữ lượng dự báo 1.410.640m³.
- Vật liệu san lấp: tổng diện tích 1.493ha; tổng trữ lượng dự báo 83.531.059m³. Trong đó:
 - + Huyện Bác Ái: tổng diện tích 336,0ha; trữ lượng dự báo 16.950.000m³;
 - + Huyện Ninh Sơn: tổng diện tích 361,9ha; trữ lượng dự báo 24.474.000m³;
 - + Huyện Thuận Bắc: tổng diện tích 233,7ha; trữ lượng dự báo 9.290.000m³;
 - + Huyện Ninh Hải: tổng diện tích 169,0ha; trữ lượng dự báo 10.300.000m³;
 - + Huyện Ninh Phước: tổng diện tích 142,6ha; trữ lượng dự báo 7.189.050m³;

+ Huyện Thuận Nam: tổng diện tích 250,10ha; trữ lượng dự báo 15.328.009m³.”

(Chi tiết tại Phụ lục II)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng:

a) Hoàn thiện hệ thống bản đồ và các tài liệu cần thiết để cung cấp cho Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam phục vụ công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên, khoáng sản;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng nội dung được phê duyệt tại Quyết định này;

c) Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, quản lý theo dõi việc triển khai Quyết định này.

2. Giao các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Trên cơ sở nội dung Quyết định được phê duyệt và chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng quy định hiện hành.

3. Những nội dung không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 88/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 9 năm 2020

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Hậu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐIỂM MỎ LOẠI BỎ, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
(kèm theo Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	SỐ HIỆU KHU VỰC QUY HOẠCH	VỊ TRÍ ĐIỂM MỎ	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, THÀNH PHỐ	THÔNG SỐ QUY HOẠCH THÂM ĐÒ - KHAI THÁC		Tọa độ VN2000 Ninh Thuận, múi 3°		GHI CHÚ
					DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BẢO (m3)	X(m)	Y(m)	
III	CÁT XÂY DỰNG								
37	90	Suối La La	Xã Phước Dinh	Thuận Nam	20.4	203.900	1.263.230.00	573.427.00	Loại bỏ
V	VẬT LIỆU SAN LẤP								
25	92	Tây Bắc núi Mavieck	Xã Phước Dinh	Thuận Nam	11,11 (Vị trí 1)	827.991	1.267.584.14	580.167.69	Điều chỉnh giảm
							1.267.627.63	579.943.69	
							1.267.673.60	579.945.08	
							1.267.767.77	579.499.99	
							1.267.830.16	579.452.01	
							1.267.937.16	579.478.34	
							1.267.894.16	579.940.95	
							1.267.802.51	579.939.96	
							1.267.804.62	579.988.68	
							1.267.686.72	579.992.80	
							1.267.646.72	580.163.03	

